

Bản án số: 38/2020/DS-ST
Ngày: 13/5/2020

V/v tranh chấp: “ Đòi quyền sử dụng đất;
Hủy kết quả bán đấu giá tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Giàu

* Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Tám
- Ông Trần Trung Nhân

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Luông.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2014/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2014 về tranh chấp: “Đòi quyền sử dụng đất; Hủy kết quả bán đấu giá tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198A/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- * Nguyên đơn: 1. Phạm Duy T, sinh năm 1969
2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1975

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Lê: Phạm Duy T, sinh năm 1969

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 7 năm 2015)

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thị C, sinh năm 1940 (Đã chết năm 2015)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C:

- Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm 1975
- Nguyễn Hữu T, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Khu 4, thị trấn M, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Phạm Việt H, sinh năm 1960
- Phạm Duy T , sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Bùi Lê Xuyên - Văn phòng luật sư Bùi Lê Xuyên, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: 1. Phạm Việt H, sinh năm 1960

2. Phạm Thị T, sinh năm 1965

3. Phạm Trung H, sinh năm 1988

4. Phạm Trung K, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

5. Phạm Hoàng H, sinh năm 1949

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

6. Nguyễn Thị U, sinh năm 1948

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. Phạm Thị K, sinh năm 1976

4. Phạm Thị T, sinh năm 1974

5. Phạm Biên T, sinh năm 1980

6. Phùng Thị Cẩm L, sinh năm 1983

7. Phạm Văn U, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khóm , thị trấn M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

8. Công ty TNHH Dịch vụ - Bán đấu giá tài sản H

9. Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

10. Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T, chị T, anh H, K, ông H và Luật sư có mặt; các anh chị H, K, T, T, L, U, bà U và Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bán đấu giá Hoàng Vũ, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè có đơn xin vắng mặt, Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè có ý kiến không tham gia vụ kiện)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn anh Phạm Duy T trình bày: Vào năm 1985 bà Nguyễn Thị C có cho vợ chồng anh Phạm Duy T và chị Nguyễn Thị L 2.000m² đất vườn có nhà ở, có cho Phạm Việt H mượn 3.836m² đất vườn để canh tác, hai diện tích này thuộc thửa 65, tờ bản đồ MLAC2 có diện tích 5.836m² tọa lạc ấp Lợi Tường, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là vào năm 1968 của vợ chồng bà C canh tác, chồng bà C tên Phạm Văn M (đã hi sinh vào năm 1969). Do cần nguồn vốn làm ăn nên anh H đã mượn vợ chồng anh T và chị L cho anh H kê khai đăng ký thửa đất số 65, từ đó mà anh H đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số 1101A ngày 05/7/2001 từ thửa đất số 65, khi làm thủ tục thì anh H tự mạo chữ ký của bà C trong hồ sơ. Năm 2007 thì anh H với vợ là chị Phạm Thị T cho ông Phạm Hoàng H mượn diện tích 3.836m² của bà C, năm 2014 thì Cơ quan thi hành huyện Cái Bè đã kê biên phần đất do anh Việt H đứng tên để bán đấu giá để thi hành các khoản nợ mà anh Việt H với chị T phải trả, trong đó có phần đất của bà C và anh T. Nay yêu cầu hủy hợp đồng bán

đấu giá tài sản ngày 18/02/2014 của Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ - bán đấu giá tài sản Hoàng Vũ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; hủy biên bản giao nhận tài sản đấu giá ngày 14/3/2014; kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Hoàng H, để yêu cầu anh Phạm Việt H giao trả lại cho bà C diện tích 3.836m^2 và trả lại anh T phần diện tích 2.000m^2 thuộc thửa số 65 {Theo hiện trạng thực tế hiện nay là yêu cầu giao trả cho anh T diện tích 1.000m^2 thửa số 184 (đo đạc thực tế là 965m^2), và 4.836m^2 (trong đó phần yêu cầu của anh là 1.000m^2 và phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị C là 3.836m^2 , đo đạc thực tế là $4.765,3\text{m}^2$) nằm trong thửa đất số 185}.

Ngày 31/7/2017 và ngày 09/11/2018 anh Phạm Duy T có đơn xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là anh yêu cầu anh Phạm Việt H và Phạm Hoàng H, Phạm Thị T, Nguyễn Thị U phải giao trả lại cho anh 1.000m^2 và $3.765,2\text{m}^2$ cho các hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị C tại thửa đất 2461 do anh Phạm Việt H đứng tên quyền sử dụng (nay là thửa 185 do ông Phạm Hoàng H đứng tên, đo đạc thực tế là thửa 210 và 212 do ông Phạm Hoàng H đứng tên). Đối với diện tích 1.000m^2 (đo đạc thực tế là 965m^2) tại thửa đất trước đây là 65 (nay là thửa 184 do anh Phạm Việt H đứng tên) thì anh rút lại yêu cầu, không yêu cầu trả lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T rút yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản, có yêu cầu nếu không trả đất thì yêu cầu anh Việt H, chị T, H, K trả bằng giá trị tiền tương ứng 1.000m^2

* Bị đơn anh Phạm Việt H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ anh là bà C và ông M canh tác, năm 2000 thì anh có mượn 5.836m^2 , trong đó của bà C là 3.836m^2 và của anh T là 2.000m^2 , mua của Phạm Văn L 2.000m^2 , Phạm Văn T 2.000m^2 ; năm 2001 thì anh làm giấy tờ đất với tổng diện tích là 10.160m^2 , năm 2004 do không có khả năng canh tác nên trả lại anh T 2.000m^2 , còn phần đất của bà C thì cũng đồng ý trả nhưng vợ là chị T và các con không đồng ý. Nay theo yêu cầu của nguyên đơn thì đồng ý.

- Chị Phạm Thị T, anh Phạm Trung K, Phạm Trung H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ và các anh chị em anh Việt H để lại cho anh H, trong đó anh H có mua thêm của anh L, anh T và anh T, anh H đã được cấp quyền sử dụng. Năm 2012 Cơ quan thi hành án tiến hành thủ tục kê biên bán đấu giá để thi hành các khoản nợ của chị với anh H thì bà C và các anh chị em trong gia đình anh H cũng không có ý kiến gì, sau khi bán đấu giá thì ông Phạm Hoàng H mua được tài sản này và đã cấp giấy và đứng tên quyền sử dụng đất. Nay theo yêu cầu của nguyên đơn thì không đồng ý.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Hoàng H trình bày: Vào ngày 18/02/2014 ông đã trúng giá phần đất của anh Việt H và chị T diện tích $8.936,6\text{m}^2$ mà Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ - bán đấu giá tài sản Hoàng Vũ bán đấu giá với số tiền là 1.010.600.000 đồng và đã thanh toán xong, cũng trong năm 2014 ông đã được cấp quyền sử dụng diện tích đã trúng giá và canh tác ổn định cho đến nay; nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý.

- Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè trình bày: Việc kê biên và đấu giá diện tích $8.936,6\text{m}^2$ nằm trong hai thửa đất số 65 (diện tích 5.836m^2) và 2461 (diện

tích 4.270m²) do anh Phạm Việt H đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại ấp Lợi Tường, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tương ứng với số tiền mà anh Việt H với vợ là chị Phạm Thị Thủy phải có nghĩa vụ thi hành án, là phù hợp với qui định của pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bán đấu giá Hoàng Vũ trình bày: Công ty có ký hợp đồng bán đấu với Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè để bán đấu giá phần diện tích đất 8.936,6m² nằm trong hai thửa đất do anh Phạm Việt H đứng tên quyền sử dụng tọa lạc tại ấp Lợi Tường, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, trong quá trình thực hiện việc đấu giá phía Công ty đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật. Nay theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn phía Công ty Hoàng Vũ không đồng ý và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án

- Các anh chị Nguyễn Thị Mộng Đ, Nguyễn Hữu T, Phạm Thị K, Phạm Thị T, Phạm Biên T, Phạm Văn U, Phùng Thị Cẩm L và bà Nguyễn Thị U không có ý kiến và có đơn xin vắng mặt.

Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè có văn bản số 1989/UBND-NC ngày 06/10/2014 nêu ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Việt H gồm thửa số 65 tờ bản đồ MLAC2 diện tích 5.836m² và thửa số 2461 tờ bản đồ MLAC2 diện tích 4.270m² theo hồ sơ chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị C là đầy đủ theo qui định của pháp luật. Trong vụ kiện này Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè không có ý kiến gì và xin vắng mặt, không tham gia.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có nhiều lập luận và chứng cứ cho rằng: Có căn cứ chứng minh nguồn gốc phần đất là của bà C, anh Việt H dùng thủ đoạn gian dối kê khai quyền sử dụng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc đòi quyền sử dụng đất. Do bà C chết mà người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng không tham gia đầy đủ nên đề nghị đình chỉ phần yêu cầu của bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa phát biểu về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết và xét xử, mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, thực hiện pháp luật tố tụng, thì tại phiên tòa tuân theo qui định. Về nội dung đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Đình chỉ các yêu cầu của nguyên đơn không có quyền khởi kiện, phần rút yêu cầu của anh T trước khi mở phiên tòa là phù hợp thì chấp nhận, không xem xét giải quyết. Đối với phần yêu cầu còn lại của anh Tâm là diện tích 1.000m² là không có cơ sở nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{I}- Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp là: “Đòi quyền sử dụng đất; Hủy kết quả bán đấu giá tài sản”.

1. Xem xét đối với yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản, thì đối chiếu với các qui định tại khoản 13 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 102 Luật thi hành án dân sự; Điều 48 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ, các nguyên đơn không có quyền khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét,

anh T có ý kiến rút lại yêu cầu này căn cứ vào qui định tại khoản 1 Điều 217 đình chỉ giải quyết, do đình chỉ giải quyết nên không xem xét tiếp yêu cầu hủy biên bản giao nhận tài sản ngày 14/03/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

2. Đối với yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C thì xem xét bà C chết vào năm 2015 có những người thừa kế quyền và nghĩa vụ gồm có Nguyễn Thị Mộng Đ, Nguyễn Hữu T không có tranh chấp cũng như không có văn bản ủy quyền cho anh T khởi kiện, còn anh Phạm Duy T và Phạm Việt H là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án (bút lục 152), chỉ có cá nhân anh T đưa ra yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của bà Ch diện tích 3.765,2m² thuộc thửa 185 (đo đạc là thửa 212) thì thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo khoản 1 Điều 192, Hội đồng xét xử không xem xét, căn cứ vào qui định tại khoản 1 Điều 217 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

3. Anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 1.000m² (đo đạc thực tế là 965m²) tại thửa đất trước đây là 65 (nay là thửa 184), do anh T rút lại yêu cầu này trước khi mở phiên tòa nên không đặc ra xem xét giải quyết.

Chỉ xem xét giải quyết đối với yêu cầu còn lại của anh T là đòi quyền sử dụng diện tích 1.000m² thuộc thửa 185 (theo biên bản đo đạc là thửa 210). Do xem xét giải quyết trong phạm vi khởi kiện nên việc thu thập tài liệu chứng cứ, đánh giá chứng cứ đã được thực hiện, các bên đương sự không có yêu cầu và không còn nguồn chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo qui định tại các Điều 5, 91, 92, 94, 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

{II}- Về nội dung vụ án:

1- Bà Nguyễn Thị C được cấp quyền sử dụng diện tích 5.836 m² tại ấp Lợi Tường, xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Năm 2001, thì anh Nguyễn Việt H là con của bà C được tặng cho, Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè cấp quyền sử dụng cho hộ anh Phạm Việt H thuộc thửa số 65 diện tích 5.836m², đồng thời anh H có mua thêm nên ngoài thửa đất này có quyền sử dụng thửa số 2461 diện tích 4.270m², cấp quyền sử dụng ngày 05/7/2001 (Thể hiện căn cứ tại các bút lục 133, 103; xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè tại bút lục 86; lời thừa nhận của ông Phạm Văn L là người bán đất cho anh Việt H tại bút lục 213). Do anh Việt H và vợ là chị Phạm Thị T phải có nghĩa vụ thi hành bản án số 426/DSPT ngày 24/10/2011 (bút lục 84) nên vào năm 2014 Cơ quan thi hành án dân sự huyện Cái Bè tổ chức thi hành, cưỡng chế, bán đấu giá phần diện tích 8.936,6m² thuộc diện tích đất của anh Việt H đứng tên quyền sử dụng tương ứng với số tiền mà anh H và chị T phải có nghĩa vụ trả. Khi thực hiện thi hành án thì ông Phạm Hoàng H là người mua trúng giá phần đất này; từ đó ông Hoàng H được cấp đổi quyền sử dụng diện tích là 8.878,6m² ngày 08/5/2014 (bút lục 193), được chứng minh qua các văn bản của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Cái Bè và Công Ty TNHH dịch vụ - bán đấu giá tài sản Hoàng Vũ.

2- Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ đã phân tích cùng lời trình bày của các đương sự, xác định phần diện tích đất anh T tranh chấp có nguồn gốc là thửa 65 tờ bản đồ MLAC2 diện tích 5.836m² do anh Việt H đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng, sau khi ông Hoàng H trúng giá mua được thì được cấp quyền sử dụng nhập chung cùng 01 thửa là 185 có diện tích 8.878,6m². Do đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà C diện tích là 3.836m² (Thửa 212 hiện nay, bút lục

172), nên trong phạm vi yêu cầu khởi kiện còn lại của anh T là phần diện tích 1.000m², qua đo đạc thực tế và được cơ quan chức năng xác nhận hiện nay là thửa 210 (Bút lục 170, 172) (ông Nguyễn Hoàng H vẫn đứng tên quyền sử dụng đất là thửa 185) và các đương sự trong vụ án cũng thống nhất đây là thửa đất anh T tranh chấp. Anh T cho rằng trước khi anh Việt H được cấp quyền sử dụng thửa đất 65 thì anh có cho anh Việt H mượn diện tích 2.000m², bà C tặng cho anh Việt H 3.863m², nhưng không có căn cứ nào cho thấy anh có cho anh Việt H mượn, theo tờ trình số 652 TT/ĐC về việc chuyển quyền sử dụng đất từ bà C tặng cho anh Việt H (bút lục 133) là đúng diện tích 5.836m², không thể hiện có đất của anh T cho anh Việt H mượn, hiện nay phần diện tích này đã chuyển quyền sử dụng thông qua bán đấu giá thi hành án và ông Hoàng H đã được nhà nước công nhận, các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo đúng trình tự pháp luật qui định. Anh T là người không có quyền khởi kiện hủy kết quả bán đấu giá tài sản để thi hành án, anh yêu cầu ông Hoàng H, bà U phải giao trả lại 1.000m² là diện tích đã được chuyển quyền hợp pháp; ông Hoàng H, bà U là người thứ ba ngay tình, không có hành vi trái pháp luật, không có chiếm giữ phần diện tích đất nào thuộc quyền sử dụng của anh T mà anh yêu cầu giao trả lại là hoàn toàn không có căn cứ, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

3- Đối với lời thừa nhận của anh Việt H là có mượn của anh T 2.000m², và đồng ý theo yêu cầu của anh T nhưng xem xét phần diện tích này đã thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng H, anh Việt H đồng ý giao trả là nhằm trốn tránh nghĩa vụ, không phù hợp với pháp luật; anh T yêu cầu giao trả bằng tiền, nếu anh Việt H đồng ý theo yêu cầu của anh T thì giữa anh T và anh Việt H được thỏa thuận giao trả bằng giá trị tiền tương ứng với diện tích đất anh T đòi.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch theo qui định.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, trong đó có Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ bán đấu giá Hoàng Vũ, có ý kiến và xin vắng mặt xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

Qua phân tích và đề nghị của Luật sư chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 228, 192, 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100 Luật đất đai

Căn cứ vào Điều 102 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Duy T, chị Nguyễn Thị L ủy quyền cho anh Phạm Duy T về việc yêu cầu anh Phạm Việt H,

chị Phạm Thị T, ông Phạm Hoàng H, bà Nguyễn Thị U, Phạm Trung K, Phạm Trung H giao trả lại diện tích 1.000m² thuộc thửa 185 (đo đạc thực tế là thửa 210) do ông Phạm Hoàng H đứng tên quyền sử dụng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu Hủy kết quả bán đấu giá tài sản của anh Phạm Duy T và bà Nguyễn Thị C.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng diện tích 3.836m² của bà Nguyễn Thị C.

Hậu quả đình chỉ giải quyết vụ án theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về án phí: Anh T, bà C (anh T thừa kế quyền và nghĩa vụ), chị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp 6.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026352 ngày 22/7/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, được căn trừ nên được nhận lại số tiền là 5.600.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xét xử phúc thẩm.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG
- VKSND huyện Cái Bè
- Chi cục THA d/s huyện Cái Bè
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Ngọc Giàu

